

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Văn Xuân Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Thi	Thành viên
Ông Nguyễn Chơn Hùng	Thành viên
Ông Phùng Văn Đức	Thành viên
Ông Trần Anh Thái	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Văn Xuân Anh	Giám đốc
Ông Ngô Vũ An	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Văn Xuân Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2013

Số: 198 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo ngày 13/08/2013 của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 19. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề sau

Như đã trình bày trong phần thuyết minh số 05 phần thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, các khoản doanh thu theo tiến độ kế hoạch của công trình Nậm Pàn đã được ghi nhận từ năm 2010 nhưng đến ngày 30/6/2013 chưa được thanh toán với số tiền là khoảng 4,9 tỷ đồng. Do các khoản công nợ liên quan đến doanh thu ghi nhận trước này đang được Công ty tiến hành nghiệm thu chính thức với chủ đầu tư để thanh toán, theo đó, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN kiểm toán: 0517-2013-156-1

Chữ Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN kiểm toán: 1403-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU B 01a-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		26.762.596.958	27.679.341.248
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.286.441.448	2.509.635.048
1. Tiền	111		828.312.797	359.635.048
2. Các khoản tương đương tiền	112		458.128.651	2.150.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.244.444.674	15.360.065.253
1. Phải thu khách hàng	131		3.733.519.157	6.165.546.461
2. Trả trước cho người bán	132		1.393.622.145	1.041.452.685
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	5	10.748.205.333	8.124.105.465
4. Các khoản phải thu khác	135		369.098.039	28.960.642
III. Hàng tồn kho	140	6	8.176.968.309	9.003.053.537
1. Hàng tồn kho	141		8.176.968.309	9.003.053.537
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.054.742.527	806.587.410
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		63.514.791	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.611.545	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		60.086.893	17.076.593
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	925.529.298	789.510.817
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	200		1.282.935.139	1.502.911.777
I. Tài sản cố định	220		1.217.179.345	1.431.520.917
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.217.179.345	1.431.520.917
- Nguyên giá	222		3.125.418.450	3.911.462.233
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.908.239.105)	(2.479.941.316)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		67.000.000	67.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.000.000)	(67.000.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		65.755.794	71.390.860
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	65.755.794	71.390.860
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		28.045.532.097	29.182.253.025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu B 01a-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		13.348.589.311	13.355.541.535
I. Nợ ngắn hạn	310		13.348.589.311	13.355.541.535
1. Phải trả người bán	312		2.547.917.262	2.830.773.440
2. Người mua trả tiền trước	313		5.203.317.182	4.904.309.816
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		-	265.738.061
4. Phải trả người lao động	315		-	267.858.425
5. Chi phí phải trả	316	10	4.686.515.041	4.163.315.973
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	729.606.869	720.727.645
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		181.232.957	202.818.175
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	12	14.696.942.786	15.826.711.490
I. Vốn chủ sở hữu	410		14.696.942.786	15.826.711.490
1. Vốn điều lệ	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		(5.449.923.802)	(4.320.155.098)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		28.045.532.097	29.182.253.025



Văn Xuân Anh
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thị Vân Dung
 Phụ trách kế toán

Nguyễn Thu Hiền
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU B 02a-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
			đến 30/06/2013	đến 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	4.276.517.673	1.201.546.172
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		4.276.517.673	1.201.546.172
3. Giá vốn hàng bán	11	13	3.991.291.425	1.411.856.693
4. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp về bán hàng (20=10-11)	20		285.226.248	(210.310.521)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		36.013.147	323.704.662
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.181.427.075	2.165.753.020
7. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-25)	30		(860.187.680)	(2.052.358.879)
8. Thu nhập khác	31		700.000	400.000
9. Chi phí khác	32		270.281.024	87.900.001
10. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40	15	(269.581.024)	(87.500.001)
11. (50=30+40)	50		(1.129.768.704)	(2.139.858.880)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	-	-
13. Lãi/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(1.129.768.704)	(2.139.858.880)
14. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	17	(565)	(1.070)



Văn Xuân Anh
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thị Vân Dung
 Phụ trách kế toán

Nguyễn Thu Hiền
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU B 03a-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lãi/(Lỗ) trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>(1.129.768.704)</i>	<i>(2.139.858.880)</i>
2. Điều chỉnh cho các khoản:		160.309.234	(66.807.470)
- Khấu hao tài sản cố định	02	196.322.381	246.797.192
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(36.013.147)	(313.604.662)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(969.459.470)	(2.206.666.350)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.069.019.747)	1.373.479.851
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	826.085.228	(3.026.419.500)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(6.952.224)	1.649.534.828
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(57.879.725)	239.181.193
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	18.019.191	(893.733.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.259.206.747)	(2.864.623.153)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-	(23.527.273)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	-	400.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	36.013.147	313.704.662
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	36.013.147	290.577.389
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	(1.223.193.600)	(2.574.045.764)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.509.635.048	7.094.231.515
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.286.441.448	4.520.185.751



Văn Xuân Anh
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thị Vân Dung
 Phụ trách kế toán

Nguyễn Thu Hiền
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 20/07/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

Các cổ đông sáng lập của Công ty gồm:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.200.000.000	1.020.000	51,0%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	3.739.000.000	373.900	18,7%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý nguồn điện Việt Nam	660.000.000	66.000	3,3%
	14.599.000.000	1.459.900	73,0%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2013 là 51 người (tại ngày 31/12/2012 là 56 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Quản lý, lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu, lập tổng dự toán; Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện sóng, điện mặt trời và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Lập hồ sơ dự thầu, tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp, hồ sơ dự thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Thiết kế Nhà máy nhiệt điện (Không giới hạn công suất - theo Giấy phép hoạt động điện lực); Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng công nghiệp;
- Khảo sát, thiết kế công trình thủy lợi, hạ tầng, nông thôn: cấp thoát nước, môi trường; Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát trắc địa công trình;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực lắp đặt thiết bị điện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ điện;
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ kế toán.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: Góp vốn vào Công ty là 10.200.000.000 đồng tương đương 51% - Quan hệ dưới dạng công ty mẹ - công ty con.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na và Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrông: Là công ty quan hệ dưới dạng công ty mẹ - công ty con với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm 2013 (Số năm sử dụng)
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 02 (hai) năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi sổ bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí phải trả (Tiếp theo)

Chi phí phải trả trong kỳ là các chi phí trích trước cho công trình, dự án, bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lương, chi phí sản xuất chung và chi phí thầu phụ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trong kỳ, Công ty có tự thực hiện ước tính doanh thu căn cứ vào phần công việc đã hoàn thành được xác định theo một trong ba phương pháp sau, tùy thuộc vào bản chất của dịch vụ:

- (a) Đánh giá phần công việc đã hoàn thành;
- (b) So sánh tỷ lệ (%) giữa khối lượng công việc đã hoàn thành với tổng khối lượng công việc phải hoàn thành;
- (c) Tỷ lệ (%) chi phí đã phát sinh so với tổng chi phí ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ghi nhận giá vốn

Công ty ghi nhận chi phí giá vốn dựa vào dự toán chi phí tương ứng với phần khối lượng công việc hoàn thành được công ty ban hành với từng công trình, dự án. Và dự toán này có thể được điều chỉnh, bổ sung hàng năm theo sự tác động của yếu tố thị trường và tình hình thực tế.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	14.887.663	60.043.110
Tiền gửi ngân hàng	813.425.134	299.591.938
Các khoản tương đương tiền (i)	458.128.651	2.150.000.000
Cộng	1.286.441.448	2.509.635.048

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là giá trị của các khoản tiền có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

5. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu công trình Ngòi Hút (Thiết kế)	341.836.407	-
Phải thu công trình Ngòi Hút (Khảo sát)	915.231.507	234
Phải thu công trình Đăkrinh HĐ 01/2013	2.850.669.561	1.168.194.221
Phải thu công trình Đăkrinh HĐ 15-tam giác thủy công	357.176.357	357.176.357
Phải thu công trình 110KV Đăkrinh (Khảo sát)	917.697.688	764.092.280
Phải thu công trình 110KV Đăkrinh (Tư vấn thiết kế)	474.098.752	943.147.312
Phải thu công trình Nậm Pàn (Khảo sát)	1.360.800.000	1.360.800.000
Phải thu công trình Nậm Pàn (Thiết kế)	3.530.695.061	3.530.695.061
Cộng	10.748.205.333	8.124.105.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG (Tiếp theo)

Số dư các khoản doanh thu theo tiến độ kế hoạch đã được ghi nhận từ năm 2010 nhưng đến ngày 30/06/2013 chưa được thanh toán với số tiền là khoảng 4,9 tỷ đồng liên quan đến các khoản phải thu của công trình Nậm Pàn. Do các khoản công nợ liên quan đến doanh thu ghi nhận trước này đang được Công ty tiến hành nghiệm thu chính thức với chủ đầu tư để thanh toán, theo đó Công ty không thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình		
Công trình Thủy điện Nậm Pàn 5	362.465.779	362.465.779
Công trình Thủy điện Ngòi Hút	2.039.915.888	2.893.470.406
Công trình nhiệt điện Thái Bình	1.393.335.053	1.473.037.902
Dự án Lọc hoá dầu Nghi Sơn	568.292.943	557.674.761
Công trình NM Nhiệt điện Long Phú - Sông Hậu	318.350.839	318.350.839
Công trình thủy điện Hòa Na	125.229.469	122.278.565
Công trình thủy điện Nậm Chà 3	603.335.327	416.265.760
Công trình Quảng Trạch	827.138.946	740.801.346
Công trình thủy điện Đakdrink	20.057.952	355.242.556
Công trình Phong Điện Hòa Thắng	937.089.430	950.929.452
Các công trình khác	981.756.683	812.536.171
Cộng	8.176.968.309	9.003.053.537

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác tại thời điểm 30/06/2013 phản ánh giá trị của các khoản tạm ứng phải thu của cán bộ công nhân viên với số tiền 925.529.298 đồng (giá trị tại 31/12/2012 là 789.510.817 đồng).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	3.062.558.100	848.904.133	3.911.462.233
Mua trong kỳ	-	-	-
Giảm do phân loại lại tài sản (i)	-	(786.043.783)	(786.043.783)
Tại ngày 30/06/2013	3.062.558.100	62.860.350	3.125.418.450
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	1.661.549.810	818.391.506	2.479.941.316
Khấu hao trong kỳ	183.828.945	12.493.436	196.322.381
Giảm do phân loại lại tài sản (i)	-	(768.024.592)	(768.024.592)
Tại ngày 30/06/2013	1.845.378.755	62.860.350	1.908.239.105
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	1.401.008.290	30.512.627	1.431.520.917
Tại ngày 30/06/2013	1.217.179.345	-	1.217.179.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Ghi chú: (i) Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10/06/2013 của Bộ Tài chính, Công ty đã thực hiện phân loại lại các tài sản có nguyên giá dưới 30.000.000 VND chưa khấu hao hết sang theo dõi ở tài khoản chi phí trả trước dài hạn để phân bổ tiếp.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	71.390.860	160.020.210
Tăng trong kỳ	56.691.769	25.335.400
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(62.326.835)	(95.113.219)
Số dư cuối kỳ (i)	65.755.794	90.242.391

Ghi chú: (i) Chi phí trả trước dài hạn tại 30/06/2013 chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí chi tiết theo công trình		
Chi phí TVTKBVTC công trình Nậm Pàn	1.357.375.566	1.357.375.566
Chi phí khảo sát công trình thủy điện Nậm Pàn 5	1.265.544.000	1.265.544.000
Chi phí khảo sát Công trình thủy điện Ngòi Hút 2	317.907.859	-
Chi phí lập DT và HS mời thầu trang bị hệ thống CNTT PVPower tham gia thị trường phát điện cạnh tranh	238.424.978	-
Chi phí lập thiết kế cơ sở do thay đổi hướng tuyến nước ngọt Dự án NM NĐ Thái Bình 2	218.315.885	-
Chi phí tư vấn KS, lập dự án đầu tư thủy điện Nậm Chà 3	171.304.529	171.304.529
Chi phí KT hệ thống mốc tam giác thủy công và tìm tuyến hầm hiện trạng dự án thủy điện Đăkrinh	113.496.295	114.296.434
Các công trình khác	1.004.145.929	1.254.795.444
Cộng	4.686.515.041	4.163.315.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	12.525.134	19.153.419
Thù lao Hội đồng quản trị	66.000.000	101.574.226
Quyết toán thuế TNCN năm 2012	51.081.735	-
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2011	600.000.000	600.000.000
Cộng	729.606.869	720.727.645

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối
	VND		
Số dư tại ngày 31/12/2011	20.000.000.000	146.866.588	1.468.665.876
Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm	-	-	(4.621.201.211)
Chi trả cổ tức trong năm	-	-	(600.000.000)
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	(146.866.588)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(293.733.175)
Chi thù lao năm 2011 cho Hội đồng quản trị	-	-	(127.020.000)
Số dư tại ngày 31/12/2012	20.000.000.000	146.866.588	(4.320.155.098)
Lỗ trong kỳ	-	-	(1.129.768.704)
Số dư tại ngày 30/06/2013	20.000.000.000	146.866.588	(5.449.923.802)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20/07/2012, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp 30/06/2013	
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.200.000.000	51	10.200.000.000	51
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	3.739.000.000	18,7	3.739.000.000	18,7
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý nguồn điện Việt Nam	660.000.000	3,3	660.000.000	3,3
Các cổ đông khác	5.401.000.000	27	5.401.000.000	27
	20.000.000.000	100	20.000.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	2.000.000	2.000.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
+ Mệnh giá của cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	2.000.000	2.000.000

13. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty được hình thành từ phí khảo sát, tư vấn, thiết kế kỹ thuật, lập bản vẽ thi công của các công trình thủy điện với giá trị trị 4.276.517.673 đồng (6 tháng đầu năm 2012 là 1.201.546.172 đồng) và giá vốn tương ứng là 3.991.291.425 đồng (6 tháng đầu năm 2012 là 1.411.856.693 đồng).

Khi thực hiện kết thúc công trình, việc nghiệm thu quyết toán công trình có thể có giá trị cao hơn hoặc thấp hơn giá trị hợp đồng ban đầu đã ký kết. Theo đó, các chi phí phát sinh còn lại chưa kết chuyển vào giá vốn tại các kỳ trước sẽ được kết chuyển toàn bộ khi thực hiện quyết toán công trình. Tại ngày 30/06/2013, Công ty đã thực hiện đánh giá khoản chênh lệch giữa giá trị còn lại theo hợp đồng so với chi phí thực tế đã phát sinh, nhưng không ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo tài chính nên không thực hiện việc điều chỉnh.

14. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	633.846.367	1.255.589.653
Chi phí nhân công	1.554.902.076	3.506.528.090
Chi phí khấu hao tài sản cố định	195.717.932	246.797.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.289.368	199.040.845
Chi phí khác	1.263.468.641	1.244.495.714
Cộng	<u>3.772.224.384</u>	<u>6.452.451.494</u>

15. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập khác	700.000	400.000
Thu thanh lý TSCĐ	-	400.000
Thu khác	700.000	-
Chi phí khác	270.281.024	87.900.001
Thù lao HĐQT	62.400.000	77.400.000
Điều chỉnh giảm doanh thu công trình khi quyết toán	207.881.024	-
Thanh lý tài sản cố định	-	10.500.001
Lợi nhuận thuần khác	<u>(269.581.024)</u>	<u>(87.500.001)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	(1.129.768.704)	(2.139.858.880)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	(1.129.768.704)	(2.139.858.880)
Thu nhập tính thuế	(1.129.768.704)	(2.139.858.880)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuê thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

17. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.129.768.704)	(2.139.858.880)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	2.000.000	2.000.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(565)	(1.070)
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ là 393.649.528 đồng.

Tại ngày 30/06/2013, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Trong vòng 1 năm	787.299.054	787.299.054
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	590.474.290	981.123.819

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.286.441.448	2.509.635.048
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.850.822.529	14.318.612.568
Tổng tài sản	16.137.263.977	16.828.247.616
Nợ phải trả		
Phải trả người bán và phải trả khác	3.277.524.131	3.551.501.085
Chi phí phải trả	4.686.515.041	4.163.315.973
Tổng nợ phải trả	7.964.039.172	7.714.817.058
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	8.173.224.805	9.113.430.558

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo đó, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm	Tổng cộng
	VND	đến 5 năm	VND
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.286.441.448	-	1.286.441.448
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.850.822.529	-	14.850.822.529
Tổng tài sản	16.137.263.977	-	16.137.263.977
Nợ phải trả			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.277.524.131	-	3.277.524.131
Chi phí phải trả	4.686.515.041	-	4.686.515.041
Phải trả phải nộp khác	-	-	-
Tổng nợ phải trả	7.964.039.172	-	7.964.039.172
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	8.173.224.805	-	8.173.224.805

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

MẪU B 09a-DN

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư các bên liên quan

	<u>30/06/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	239.789.718	108.460.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	160.524.747	160.524.747
Người mua trả tiền trước		
	<u>30/06/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	475.401.557	724.836.757
Thu nhập HĐQT và Ban Giám đốc		
	<u>Từ 01/01/2013</u> <u>đến 30/6/2013</u> VND	<u>Từ 01/01/2012</u> <u>đến 30/6/2012</u> VND
Lương, thu nhập khác	160.659.591	363.640.937


21. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty.


22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán. Riêng báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, số liệu so sánh là số liệu phát sinh cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2012 đã được soát xét.




Văn Xuân Anh
Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2013


Nguyễn Thị Vân Dung
Phụ trách kế toán


Nguyễn Thu Hiền
Người lập biểu